

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN B
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2019

V/v tranh chấp: “ Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Vỹ.

2. Bà Nguyễn Thị Nam Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L - Sinh năm 1976. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Hòa K, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H – Sinh năm 1972. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khối phố Cổ A 1, phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hữu H kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 05 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa K, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã sinh được một con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nên đã ly thân 15 năm nay. Ông Nguyễn Hữu H bỏ về quê sinh sống.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Đỗ Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Có 01 con chung.

- Nguyễn Thị Thanh H - Sinh ngày 22 tháng 12 năm 2002. Hiện nay cháu H đang ở với bà L. Nếu ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Thanh H và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu trên bà L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H không có mặt tại phiên toà. Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà L khai là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Đắk L, do kinh tế làm ăn khó khăn nên đến năm 2003, ông H động viên bà L về quê tại thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam để sinh sống nhưng bà L không đồng ý. Ông H về quê ở một mình và nhiều lần động viên bà L về chung sống nhưng bà L vẫn không chịu về. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên ông H không đồng ý ly hôn mà mong muốn bà L và con về quê hương chung sống, làm ăn.

Về con chung: Có 01 con chung. Nguyễn Thị Thanh H - Sinh ngày 22 tháng 12 năm 2002. Hiện nay cháu H đang ở với bà L. Nguyên vọng của ông H là muốn nuôi con. Nếu con muốn ở với mẹ thì ông H cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu H không có ý kiến gì khác.

Sau khi toà án thụ lý vụ án, đã tiến hành các thủ tục theo quy định của BLTTDS, triệu tập đương sự thì ông Nguyễn Hữu H không chấp hành giấy triệu tập. Tòa án tiến hành ghi lời khai của ông H và tổng đạt các giấy triệu tập nhưng ông H không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt giấy tờ hợp lệ. Tòa án đã xác minh tại địa phương thì xác định ông H vẫn đang sinh sống, làm việc, có hộ khẩu thường trú tại khối C A 1, phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B nhưng cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập cũng như các giấy tờ khác của Tòa án gởi cho ông H.

Đại diện VKSND thị xã Điện B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập cũng như các quy định khác của pháp luật. VKS đề nghị HĐXX áp dụng **Điều 28, 35, 39 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83** của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị L. Về con chung giao con là Nguyễn Thị Thanh H cho bà Đỗ Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Đỗ Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Hữu H và yêu cầu nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu H không chấp hành giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành lập thủ tục tổng đạt trực tiếp cho cá nhân theo quy định tại điều 177 của BLTTDS nhưng ông Nguyễn Hữu H vẫn không đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hữu H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hữu H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 01 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà L là do vợ chồng không hòa hợp nên đã ly thân 15 năm nay. Ông Nguyễn Hữu H bỏ về quê sinh sống.

Ông Nguyễn Hữu H thì cho rằng, sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Đắk L, do kinh tế làm ăn khó khăn nên đến năm 2003, ông H động viên bà L về quê tại thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam để sinh sống nhưng bà L không đồng ý. Ông H về quê ở một mình và nhiều lần động viên bà L về chung sống nhưng bà L vẫn không chịu về. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đỗ Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Ông Nguyễn Hữu H thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nên ông Hùng không đồng ý ly hôn mà mong muốn bà L và con về quê hương chung sống, làm ăn.

HĐXX xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài nhiều năm. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2003 đến nay. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy ông Nguyễn Hữu H có mặt tại địa phương nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Không đến Tòa án trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật. Như vậy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Đỗ Thị L được ly hôn ông Nguyễn Hữu H là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung Nguyễn Thị Thanh H - Sinh ngày 22 tháng 12 năm 2002. Hiện nay cháu H đang ở với bà L. Bà L yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Thanh H và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Thanh H đang ở với bà L từ nhỏ đến nay và được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chu đáo. Nhằm tạo điều kiện ổn định chỗ ở cũng như việc nuôi dưỡng, giáo dục nên giao con là Nguyễn Thị Thanh H cho bà Đỗ Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà Đỗ Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Hữu H có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ điều 147 của BLTTDS; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 luật phí và lệ phí, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Hữu H.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thị Thanh H - Sinh ngày 22 tháng 12 năm 2002, cho bà Đỗ Thị L, trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Đỗ Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hữu H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001604 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện B. Bà Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- THADS thị xã;
- UBND xã Hòa K,
- TP Buôn Ma T, Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Điền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nam Hải Nguyễn Thanh Vỹ

Thái Điền

Nơi nhận

- Toà án Tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THADS thị xã;
- UBND xã Điện Nam Đông;
- Lưu hồ sơ.

Thái Điền